

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 6 - 2018.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng
2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công X, sinh năm 1971. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 4 năm 2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh X có tìm hiểu nhau thời gian 04 năm, sau đó chung sống với nhau vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh X đã ly thân từ tháng 9 năm 2017 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Công X.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh X có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 14 tháng 01 năm 1997 (Đã trưởng thành). Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại lời trình bày của anh Nguyễn Công X: Anh X xác nhận thời gian, điều kiện chung sống, con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian xa nhau là đúng theo lời trình bày của chị H.

Về tài sản chung, không có.

Về nợ chung, không có.

Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý, khi ly hôn con chung đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết. Đối với tài sản chung và nợ chung không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Do điều kiện anh bận đi làm ăn xa, nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh cam kết không khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Nguyễn Công X; anh Nguyễn Công X có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã, huyện Đ, tỉnh Long An và hiện đang có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Công X xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh X có tìm hiểu nhau thời gian 04 năm, sau chung sống với nhau vào năm 1996 không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, nên chị H và anh X xa nhau từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay.

Thấy rằng, Chị H và anh X chung sống vào năm 1996, nhưng hai anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân của chị H và anh X đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Đối với anh X đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng tại Bản tự khai anh X trình bày anh đồng ý ly

hôn. Do anh X và chị H không có đăng ký kết hôn. Nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Công X là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Chị H và anh X có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 14 tháng 01 năm 1997 (Đã trưởng thành). Nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh X khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị H và anh X trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14,53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Công X về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Công X là vợ chồng.

- Về con chung: Chị H và anh X có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 14 tháng 01 năm 1997 (Đã trưởng thành)

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002728 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Chị Hà không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Bình An